TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2017
V/v:"Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Lâm Sơn;**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Đoàn Văn Tâm;**

- Bà **Đào Thị Kim Loan.**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thu Vân** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Phan Tân** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2015/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2015, về việc "Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Hồng T**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Byun Sang Y (Byng Min Y)**, sinh năm: 1971 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Byeon - ri, Gd - myeon, Cheong-gun, Chung-do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày ngày 17/11/2015 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị Huỳnh Hồng T trình bày: Chị và anh Byun Sang Y (Byng Min Y) quen nhau qua mai mối, sau đó tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn ở Việt Nam và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy xác nhận về việc ghi chú kết hôn vào ngày 21/4/2009. Sau đó anh Byun Sang Y (Byng Min Y) có làm thủ tục bảo lãnh chị T qua Hàn Quốc sống chung với anh và gia đình anh, anh chị có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và được cấp giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân ngày 19/03/2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng ngôn ngữ, anh Byun Sang Y thiếu trách nhiệm làm chồng, không quan tâm lo lắng cho vợ về

tinh thần cũng như vật chất, anh Byun Sang Y còn nhiều lần chửi bới, xúc phạm danh dự chị khiến cho đời sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị đã nhiều lần cho anh Byun Sang Y (Byng Min Y) cơ hội để sửa đổi nhưng không được, từ đó tình cảm giữa vợ chồng ngày càng rạng nứt đến mức không thể hàn gắn nên chị đã bỏ về Việt Nam từ đầu năm 2012 và ly thân với anh Byun Sang Y (Byng Min Y) cho đến nay. Nay chị không thể tiếp kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Byun Sang Y.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh, chị có một người con trai chung tên Byug Seong Ch (Byng Seong J), sinh ngày 10/6/2010, con trai sống chung với chị từ nhỏ, đến tháng 5/2016 thì anh Byun Sang Y (Byng Min Y) làm thủ tục bảo lãnh con qua Hàn Quốc sống chung, hiện nay con đang chung sống với anh Byun Sang Y (Byng Min Y). Chị đồng ý để anh Byun Sang Y (Byng Min Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống anh, chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả Ủy thác tư pháp anh Byun Sang Y trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T quan hệ hôn nhân và lý do ly hôn là đúng, anh xác nhận trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, nợ chung. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị T, vì con cái. Hiện nay anh chị đã có một người con trai chung tên Byug Seong Ch (Byng Seong J), sinh ngày 10/6/2010, con trai đang chung sống với anh ở Hàn Quốc, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Vụ việc ly hôn với chị T ở Việt Nam thì anh không có ý định tham dự phiên tòa ở Việt Nam, anh không có ý định hoặc yêu cầu kháng cáo ở Tòa án Việt Nam. Anh không yêu cầu giải quyết ở Tòa án việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và thẩm vấn đương sự công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị Huỳnh Hồng T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Byun Sang Y (Byng Min Y).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý Kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX cho chị Huỳnh Hồng T được ly hôn với anh Byun Sang Y (Byng Min Y), về con chung ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Hồng T và anh Byun Sang Y (Byng Min Y) về việc giao con chung tên Byug Seong Ch (Byng Seong J) cho anh Byun Sang Y (Byng Min Y) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Byun Sang Y (Byng Min Y) không yêu cầu chị T cấp dưỡng

nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị Huỳnh Hồng T và Byun Sang Y (Byng Min Y) không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thủ tục tố tụng: Theo kết quả Ủy thác tư pháp thì bị đơn anh Byun Sang Y (Byng Min Y) không có ý định tham dự phiên tòa ở Việt Nam, anh không có ý định hoặc yêu cầu kháng cáo ở Tòa án Việt Nam. Anh không yêu cầu giải quyết ở Tòa án việt Nam. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị T đồng ý xét xử vắng mặt anh Byun Sang Y (Byng Min Y) nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiếp tục phiên tòa xét xử vắng mặt anh Byun Sang Y.

Về nội dung: Chị Huỳnh Hồng T và anh Byun Sang Y (Byng Min Y) tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, anh, chị có đăng ký kết hôn ở Việt Nam và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy xác nhận về việc ghi chú kết hôn vào ngày 21/4/2009. Do vậy, căn cứ Điều 9 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị T và anh Byun Sang Y (Byng Min Y) quen biết nhau thông qua mai mối, sau đó tiến tới hôn nhân, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, có tổ chức lễ cưới ở thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không có thời gian tìm hiểu dài, sau khi kết hôn thường xuyên bất hòa, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bất đồng về ngôn ngữ, nên không thể hòa hợp trong đời sống vợ chồng, từ đó tình cảm ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc mà dần phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến mức không thể hàn gắn nên chị T đã về Việt Nam đầu năm 2012 và anh chị ly thân từ đó cho đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm với anh Byun Sang Y (Byng Min Y) nên yêu cầu được ly hôn với anh anh Byun Sang Y (Byng Min Y).

Từ những cơ sở và nhận định nêu trên, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Huỳnh Hồng T và anh anh Byun Sang Y (Byng Min Y) không có khả năng đoàn tụ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Hồng T với anh anh Byun Sang Y (Byng Min Y).

Về quan hệ con chung: Anh chị xác nhận trong quá trình chung sống có một người con chung tên Byug Seong Ch (Byng Seong J), sinh ngày 10/6/2010, hiện nay do anh Byun Sang Y (Byng Min Y) đang chăm sóc, nuôi dưỡng và anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Phía chị T đồng ý để anh Byun Sang Y (Byng Min Y) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Byug Seong Ch (Byng Seong J) đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự

nguyện của chị Huỳnh Hồng T và anh Byun Sang Y (Byng Min Y) về việc giao con chung tên Byug Seong Ch (Byng Seong J) cho anh Byun Sang Y (Byng Min Y) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Byun Sang Y (Byng Min Y) không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống giữa anh, chị không có không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Vì các lẽ trên;

- Căn cứ điều 28, khoản 1 điều 37, điểm d khoản 1 điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Hồng T được ly hôn với anh Byun Sang Y (Byng Min Y).

2- Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Hồng T và anh Byun Sang Y (Byng Min Y) về việc giao cho anh Byun Sang Y (Byng Min Y) tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tên Byug Seong Ch (Byng Seong J), sinh ngày 10/6/2010 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận việc anh Byun Sang Y (Byng Min Y) tự nguyện không yêu cầu chị Huỳnh Hồng T cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Hồng T và Byun Sang Y (Byng Min Y) không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Hồng T phải nộp 200.000 đồng, được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp theo lai thu số 0000594 ngày 24/12/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Chị T đã nộp đủ tiền án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại bản án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh Byun Sang Y (Byng Min Y) có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng (một tháng) kể từ ngày bản án này được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

*** Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- CTHA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Sở Tư pháp./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn